

Mấy vấn đề cơ chế tài chính đáp ứng phục vụ nhiệm vụ chiến lược của Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện nay

Ngày nhận bài: 01/11/2024 | Ngày phản biện: 02/11/2024 | Ngày xuất bản: 05/11/2024

Tác giả: Nguyễn Đức Toàn (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Học viện) là đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng đào tạo đại học, sau đại học các ngành lý luận chính trị, báo chí, truyền thông, kinh tế, xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội..., bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ các cấp. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Học viện cần có cơ chế tài chính phù hợp nhằm huy động tối đa nguồn lực tài chính và phân phối, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tạo động lực thúc đẩy hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong những năm qua, thực hiện cơ chế tài chính ở Học viện đã có những chuyển biến tích cực, các nguồn thu đảm bảo chi, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của Học viện. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu nguồn lực tài chính cho chiến lược phát triển giai đoạn mới của Học viện, công tác thực hiện cơ chế quản lý tài chính cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện.

1. Khái quát về quá trình thực hiện cơ chế tài chính tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Từ năm 2005 trở về trước với nhiều tên gọi khác nhau (Trường Tuyên giáo Trung ương, Trường Tuyên huấn Trung ương, Trường Tuyên huấn Trung ương I, Trường Đại học Tuyên giáo, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền), Học viện là đơn vị dự toán cấp III, trực thuộc đơn vị dự toán cấp I là Ban Tài chính Quản trị Trung ương (nay là Văn phòng Trung ương Đảng). Cơ chế quản lý tài chính, tài sản của Học viện được thực hiện như các cơ quan Ban đảng ở Trung ương, theo quy định tại Thông tư liên tịch số 216/2004/TTLT-BTCQT-BTC ngày 29/3/2004 của Ban Tài chính Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính Đảng.

Từ tháng 10 năm 2005, thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 30/7/2005 của Bộ Chính trị, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền đổi tên thành Học viện Báo chí và Tuyên truyền, là vị dự toán cấp III, trực thuộc đơn vị dự toán cấp I là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Cùng với việc chuyển đổi tên gọi, mô hình quản lý, Học viện cùng các đơn vị dự toán trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chuyển từ cơ chế tài chính Đảng sang thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công nói chung, theo Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

Đến năm 2008, Học viện được hướng dẫn xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện tự chủ tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp (sau đó được thay thế bằng Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập). Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình, cơ chế quản lý tài chính mới và thực hiện tự chủ tài chính, Học viện đã chủ động hơn trong quản lý và sử dụng một cách thống nhất, có hệ thống, hiệu quả nguồn lực tài chính để phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao.

2. Thực trạng thực hiện cơ chế tài chính tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền từ 2019 đến nay

2.1. Những thành tựu

Một là, đã chấp hành, tuân thủ tốt cơ chế, chính sách tài chính. Học viện đã bảo đảm thực hiện tốt các quy định của Nhà nước và các hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản thu. Kịp thời xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy trình quy định. Sử dụng đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo quy định. Các năm đều dành được nguồn tăng thu, tiết kiệm chi để chi thu nhập tăng thêm và bổ sung các quỹ. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo hàng năm với cơ quan quản lý tài chính cấp trên. Không có sai sót lớn, sai phạm, vi phạm trong hoạt động tài chính nói chung, thực hiện các cơ chế tài chính riêng. Các khoản thu cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, nâng cao chất

lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, phát triển Học viện theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Hai là, Thực hiện khá tốt cơ chế tạo lập nguồn tài chính. Quy mô thu tài chính của Học viện có sự tăng trưởng liên tục từ năm 2019 đến 2023. Dự toán hàng năm của Học viện thể hiện rõ các nguồn thu tài chính bao gồm: Các khoản thu từ nguồn ngân sách nhà nước cấp; các khoản thu sự nghiệp từ học phí, lệ phí từ các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, các bậc đào tạo, từ tận dụng cơ sở vật chất, thanh lý, chuyển nhượng tài sản công...

Đối với nguồn thu từ ngân sách nhà nước: Đây là nguồn thu mang tính ổn định, và là nguồn thu cơ bản của Học viện, cụ thể như sau:

Bảng 2.1: Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2019 - 2023. Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chỉ tiêu	Năm				
		2019	2020	2021	2022	2023
	Tổng Ngân sách NN cấp	111.550	92.548	98.899	98.573	101.273
1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	81.843	71.712	77.883	78.188	82.088
2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	29.707	20.836	21.016	20.385	19.185

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Về nguồn thu sự nghiệp của Học viện: Với những cố gắng, nỗ lực khai thác tối đa các khoản thu, nên giai đoạn 2019 đến 2023 nguồn thu của Học viện có sự tăng trưởng liên tục, trong đó mức tăng trưởng cao nhất là nguồn thu từ học phí đại học chính quy, năm 2023 đã tăng gấp đôi so với năm 2019.

Bảng 2.2: Nguồn thu sự nghiệp của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2019-2023. Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chia ra năm				
		2019	2020	2021	2022	2023
	Tổng cộng	113.570	146.554	156.966	158.777	184.202
1	Học phí chính quy	52.441	84.809	94.394	89.376	106.505
2	Học phí sau đại học	14.296	18.080	15.923	17.125	18.079
3	Học phí liên kết quốc tế	3.069	3.148	8.772	9.959	12.342
4	Lệ phí tuyển sinh, học lại, các lớp bồi dưỡng...	4.708	4.794	8.031	9.058	11.899
5	Lệ phí tuyển sinh Sau đại học	3.335	3.048	4.172	3.596	4.709
6	Học phí Hệ vừa làm, vừa học	25.862	22.207	20.203	12.308	9.229
7	Kinh phí tiếng anh B1, B2	1.733	1.829	1.122	1.417	256
8	Kinh phí tin học, ngoại ngữ đầu ra	1.500	1.492	1.160	5.076	7.050
9	Tiền nhà Ký túc xá	1.536	1.508	1.344	3.148	5.298
10	Tận dụng mặt bằng	5.055	5.606	1.696	6.938	8.176
11	Thanh lý, nhượng bán tài sản	7	0	39	369	26
12	Doanh thu tài chính	27	34	109	408	633

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Ba là, Học viện đã thực hiện tốt cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính

Học viện đã xây dựng phương án tự chủ, hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo đúng quy định của Nhà nước, phù hợp với đặc thù hoạt động. Chi tiêu đúng Quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo cơ cấu chi tương đối hợp lý, hiệu quả. Cơ chế chi của Học viện đã tạo động lực để tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc ở tất cả các cá nhân, đơn vị trong Học viện.

- Đối với thực hiện chi tiêu từ nguồn ngân sách nhà nước cấp:

Bảng 2.3: Tổng hợp chi hoạt động từ nguồn ngân sách nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2019-2023. Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Tên chỉ tiêu	Chia theo năm				
		2019	2020	2021	2022	2023
	Tổng cộng	118.623	88.869	102.224	98.715	101.483
1	Chi thanh toán cá nhân	43.170	44.791	45.766	38.122	43.655
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	32.345	21.201	20.562	25.710	31.000
3	Chi mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định	20.460	8.128	12.280	9.948	6.990
4	Chi khác	22.648	14.749	23.616	24.935	19.839

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Các khoản chi từ nguồn ngân sách nhà nước chủ yếu tập trung cho nhiệm vụ chi thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu thực hiện hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao, và chi đầu tư tăng cường cơ sở vật chất (mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định). Đối với chi đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước cấp, hàng năm Học viện đều sử dụng thêm một phần đáng kể quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp chi cho nhiệm vụ này.

- Đối với chi từ nguồn thu sự nghiệp: Từ năm 2022 trở về trước, các khoản thu sự nghiệp (sau khi thực hiện trích 40% tổng số thu từ tổng số thu học phí đại học chính quy và thu sau đại học để giành nguồn thực hiện cải cách lương), số còn lại được dùng chi chủ yếu phục vụ hoạt động chuyên môn thường xuyên, chi nộp nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, phần chênh lệch còn lại chi trích lập các quỹ để có nguồn lực bổ sung cho các hoạt động mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định, chi lễ tết cho cán bộ, nhân viên; chi khen thưởng; chi thu nhập tăng thêm... Trong giai đoạn này, với việc phải thực hiện trích 40% tổng nguồn thu từ học phí đào tạo đại học chính quy và sau đại học vào quỹ cải cách tiền lương theo quy định, nên mặc dù hai nguồn này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu sự nghiệp và tăng đều trong các năm, song chỉ được sử dụng 60% cho các hoạt động thường xuyên. Vì vậy, tổng kinh phí được sử dụng cho các hoạt động chi thường xuyên có tăng nhưng không nhiều.

Từ năm 2023, cơ chế trích lập nguồn thực hiện cải cách lương có sự thay đổi, tất cả các khoản thu đều trích 40% từ chênh lệch thu chi để thực hiện cải cách lương, do vậy đã đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Bốn là, Học viện đã thực hiện đúng cơ chế trích lập và sử dụng các quỹ

Trong giai đoạn 2019 - 2023, sau khi kết thúc niên độ tài chính hàng năm, Học viện xác định cụ thể số chênh lệch thu lớn hơn chi, và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, số còn lại thực hiện chi trích lập các quỹ. Trong đó giai đoạn 2019-2022, việc thực hiện trích lập các quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo tỷ lệ quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Về cơ bản các quỹ đều tăng năm sau cao hơn năm trước. Từ năm 2023, việc trích lập các quỹ có sự thay đổi do thực hiện trích lập theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ nên mức trích lập vào các quỹ cơ bản đều thấp hơn.

Bảng 2.4: Trích lập quỹ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2019 – 2023. Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Chia ra các năm					Tổng cộng 5 năm	
		2019	2020	2021	2022	2023	Số tiền	Tỷ lệ %
	Tổng số	59.878	62.265	73.640	70.832	71.146	337.761	100
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	18.000	21.000	21.173	20.754	20.755	101.682	30,10
2	Quỹ bổ sung thu nhập	30.478	30.065	38.967	36.578	42.529	178.617	52,88
3	Quỹ khen thưởng	400	200	500	500	250	1.850	0,55
4	Quỹ phúc lợi	11.000	11.000	13.000	13.000	7.612	55.612	16,46

Nguồn: Ban Kế hoạch - Tài chính, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Với việc tăng thu, tiết kiệm chi, dành nguồn thực hiện trích lập các quỹ cơ bản tăng đều qua các năm, nên đã có điều kiện chi tiêu cho khen thưởng, phúc lợi, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất và chi thu nhập tăng thêm. Cơ chế phân bổ thu nhập tăng thêm bước đầu đã dựa trên mức độ đóng góp, hiệu quả và năng suất lao động, góp phần thu hẹp khoảng cách thu nhập của các nhóm cán bộ, giảng viên lâu năm và nhóm cán bộ, giảng viên trẻ; giữa cán bộ, giảng viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ làm công tác hành chính, phục vụ, từ đó động viên tinh thần lao động, cống hiến của nhóm cán bộ, giảng viên, nhất là cán bộ trẻ đối với sự phát triển của Học viện hiện tại và tương lai.

2.2. Một số hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc thực hiện cơ chế tài chính hiện nay tại Học viện đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như sau:

Một là, một số nguồn thu có xu hướng giảm và chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao do Nhà nước thay đổi cơ chế tài chính. Thu từ ngân sách nhà nước thấp, có xu hướng giảm dần qua các năm, nhất là ngân sách chi đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, gây khó khăn cho việc phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giảng dạy, nghiên cứu. Nguồn thu từ đào tạo đại học vừa làm vừa học giảm mạnh.

Hai là, thực hiện cơ chế chi chưa thực sự tạo ra động lực lớn

Theo quy định của Nghị định 60/2021/NĐ-CP, Học viện hiện được phân loại là đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên, mức tự chủ dưới 70% (do có 5 chuyên ngành giảng dạy lý luận chính trị Mác – Lê nin không thu học phí), theo đó các định mức chi chuyên môn, nghiệp vụ, chi quản lý không được cao hơn các quy định của nhà nước. Từ đó dẫn đến một số định mức chi của Học viện thấp hơn nhiều so với các trường đại học công lập khác, đặc biệt là các trường đại học công lập tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên hoặc tự chủ chi thường xuyên. Trong đó, định mức chi giờ giảng thấp đã gây khó khăn rất nhiều trong việc thu hút, giữ chân các giảng viên giỏi, chuyên gia đầu ngành các lĩnh vực trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, ảnh hưởng đến yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện. Chi cho nghiên cứu khoa học vẫn chưa tương xứng với nhiệm vụ khoa học, giảm động lực đầu tư nghiên cứu. Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn thấp hơn giai đoạn trước, gây khó khăn trong thực hiện nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh, hiệu quả công việc.

Chế độ, chính sách đối với giảng viên của Học viện hiện nay cũng còn nhiều bất cập, chưa tương xứng với yêu cầu công việc cao. Chế độ thanh toán vượt giờ chưa thực sự hợp lý. Theo quy định hiện hành, giảng viên được thanh toán 200 giờ vượt định mức, mức vượt lớn hơn sẽ không được thanh toán, trong khi số lượng giảng viên ít và ngày một giảm do thực hiện tinh giản biên chế, quy mô giờ giảng lớn và tăng dần. Nếu không thanh toán rất khó để yêu cầu các giảng viên giảng trên 200 giờ. Trường hợp thuê ngoài thì chi phí cao, gấp 2-3 lần và không ổn định, nhất là việc các giảng viên

phải tuân thủ thời gian giảng dạy trong khoảng thời gian dài.

Một số chế độ đối với cán bộ, công chức của Học viện với tư cách là cơ quan Đảng chưa được thực hiện, như: chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội; chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, làm việc trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba là, trích lập và sử dụng các quỹ chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn

Việc trích lập các quỹ bị ràng buộc bởi những quy định bó buộc, nhất là quỹ phúc lợi và quỹ bổ sung thu nhập, dẫn đến khó khăn trong việc đảm bảo chi phúc lợi và chi thu nhập tăng thêm ổn định như các năm trước.

Các hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

Một là, từ phía cơ chế tài chính chung của Nhà nước:

Hệ thống văn bản quản lý nhà nước thiếu thống nhất, chưa đồng bộ, dẫn đến những khó khăn trong tổ chức thực hiện. Hướng dẫn của cơ quan quản lý tài chính cấp trên còn chậm, chưa cụ thể. Tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ xây dựng dự toán chưa được thực hiện hiệu quả.

Sự phân bổ ngân sách và các chính sách nhà nước còn bất hợp lý. Theo cơ chế tài chính hiện hành, hàng năm các đơn vị phải rà soát và nâng mức tự chủ tài chính của các đơn vị nhóm III (Học viện đang thuộc nhóm này) và cắt giảm tối thiểu 2,5% hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước. Trong khi, nhiệm vụ chính trị được giao có xu hướng tăng lên về số lượng và yêu cầu cao dần về chất lượng.

Thời gian duyệt dự toán còn chậm, nhiều nội dung dự toán bị cắt bỏ với lý do chưa thuyết phục. Sự thiếu thống nhất, nhất quán của các cơ quan tài chính cấp trên và cơ quan kho bạc trong triển khai cấp phát ngân sách và kiểm soát chi cũng ảnh hưởng đến công tác lập và chấp hành dự toán của đơn vị.

Hai là, nguyên nhân từ phía Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Việc quy định tính hệ thống trong toàn Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tuy tạo ra mặt bằng chi tiêu chung. Tuy nhiên hoạt động của Học viện Báo chí và Tuyên truyền lại hết sức đặc thù, khác hẳn so với các đơn vị dự toán trực thuộc khác. Điều này dẫn đến nhiều chế độ, định mức chi về tài chính chưa phù hợp với đặc thù của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, gây khó khăn cho hoạt động khi phải thực hiện cạnh tranh rất mạnh với các trường đại học khác.

Mặc dù hàng năm Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã từng bước quan tâm đến công tác tập huấn cơ chế, chính sách, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn về tài chính, nhưng do thời gian và kinh phí có hạn nên mới chỉ giải quyết những vấn đề còn vướng mắc, chưa tập trung chuyên sâu về từng lĩnh vực có liên quan đến công tác quản lý tài chính, tài sản và đầu tư xây dựng.

Ba là, nguyên nhân từ phía Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Sự phối hợp công tác giữa các đơn vị chức năng trong Học viện (như Ban Quản lý đào tạo, Ban Tổ chức - Cán bộ, Ban Kế hoạch - Tài chính, Phòng Hợp tác quốc tế, Ban Quản lý khoa học...) chưa thật sự chặt chẽ trong công tác xây dựng kế hoạch các mặt công tác (đào tạo, đào tạo lại, tài chính, hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học...). Một số nhiệm vụ chuyên môn các phòng, ban chưa có kế hoạch trước để đưa vào dự toán hoặc đề xuất quá muộn so với thời gian xây dựng dự toán do đó ảnh hưởng đến công tác xây dựng dự toán tổng thể của Học viện.

Một số đơn vị khoa, phòng, ban chưa chủ động trong thực hiện các nhiệm vụ được giao, còn bị động, lúng túng trong công tác triển khai, đặc biệt đối với một số nhiệm vụ từ nguồn kinh phí không thường xuyên, dẫn đến cuối năm phải thực hiện đánh giá, điều chỉnh nhiều, từ đó ảnh hưởng đến công tác giải ngân cuối năm.

3. Giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả cơ chế tài chính tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong thời gian tới

Phương hướng đổi mới cơ chế tài chính của Học viện là tăng năng lực tự chủ tài chính, đảm bảo thu đáp ứng chi thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao, tạo động lực thực hiện chiến lược phát triển Học viện trong thời gian tới. Để thực hiện chủ trương đó, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, Hoàn thiện cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù hoạt động Học viện

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là trường Đảng, trường đại học trọng điểm, vậy cơ chế tài chính cần được hoàn thiện cho phù hợp với đặc điểm đặc thù của Học viện. Cơ chế tài chính hoàn thiện trên cơ sở đánh giá, phân loại các nhiệm vụ Học viện đang triển khai, khắc phục được những nhược điểm của cơ chế hiện hành. Những nhiệm vụ chính trị đặc biệt cần có những nguồn lực tương xứng từ ngân sách thường xuyên của Nhà nước. Những nhiệm vụ khác tăng cường tính tự chủ của Học viện, giúp Học viện chủ động hơn trong huy động các khoản thu, tạo lập quỹ và chủ động chi, phân bổ quỹ theo yêu cầu thực tiễn của Học viện.

Để thực hiện giải pháp này, kiến nghị với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt cơ chế tài chính phù hợp hoạt động theo kết luận của Thủ tướng Chính phủ, cần tách biệt cơ chế tài chính của Học viện Báo chí và Tuyên truyền riêng trên cơ sở đề án cơ chế tài chính do Học viện Báo chí và Tuyên truyền trình.

Hai là, nâng cao nhận thức và năng lực quản trị tài chính cho đội ngũ cán bộ chuyên trách quản trị tài chính và lãnh đạo các đơn vị chức năng

Nâng cao năng lực quản trị tài chính cho cán bộ quản lý tài chính, cán bộ lãnh đạo các đơn vị trong Học viện. Hướng tới lãnh đạo các đơn vị trực thuộc nhận thức đầy đủ hơn về quan hệ giữa nhiệm vụ chuyên môn với nhiệm vụ tài chính, xây dựng dự toán và hoàn thiện thủ tục thực hiện dự toán, thanh quyết toán khoa học và hiệu quả. Đồng thời qua đó cũng tăng cường phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận chức năng, giữa các bộ phận chức năng với các khoa giảng dạy trong Học viện.

Ba là, khuyến khích, tạo cơ chế khác thác tốt, tối đa nguồn thu sự nghiệp

Trước thực trạng khi khấn nguồn lực tài chính, học viện cần đổi mới có cơ chế tài chính khuyến khích các đơn vị, cá nhân tích cực chuẩn hóa các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định; mở rộng các hoạt động liên doanh, liên kết, hợp đồng trong đào tạo, giảng dạy, tư vấn và đặc biệt là trong nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn với các ngành, địa phương trong nước và với các tổ chức nước ngoài để tăng

cường khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, đem về những khoản thu hợp pháp cho đơn vị sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Quản lý các nguồn thu đó dựa trên nguyên tắc thống nhất về một đầu mối, phân công trách nhiệm rõ ràng và thực hiện phân phối một cách công khai, minh bạch. Đồng thời đầu tư phát triển đào tạo từ xa để tăng nguồn thu sự nghiệp.

Bốn là, đổi mới quản lý chi tiêu của Học viện, hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ để tạo ra động lực lao động, nâng cao năng suất lao động, có cơ chế khuyến khích tài chính đối với các cán bộ, giảng viên, nhà khoa học hiện có nỗ lực hơn trong đảm nhiệm các hoạt động chuyên môn, các hoạt động hỗ trợ, nâng cao năng suất chất lượng và hiệu quả công việc, giảm bớt chi phí quản lý của việc tuyển thêm lao động. Thực hành tiết kiệm chi, rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên các hạng mục chi, để chi xứng đáng, hiệu quả, giải quyết lần lượt các yêu cầu trong điều kiện nguồn lực có hạn.

Nâng cao chất lượng trong quản trị chi tiêu tài chính. Đánh giá đúng nhiệm vụ trọng tâm, hoạt động cốt lõi để tập trung nguồn lực tài chính xứng đáng, tạo khâu đột phá nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, từng bước thực chiến lược phát triển Học viện trong thời gian tới.

Năm là, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hiện quản trị tài chính

Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị theo hướng chuyển đổi số trong mọi hoạt động của Học viện, trong đó chú trọng với quản lý tài chính. Tăng cường hệ thống máy tính, mạng internet, phần mềm quản lý tài chính. Bổ sung chức năng quản trị Học viện số để các đầu việc chung của Học viện, đầu việc của từng đơn vị và mỗi cá nhân trở thành một chính thể thống nhất. Kết nối các mặt hoạt động với quản trị tài chính, thể hiện rõ dòng giao nhiệm vụ công việc là một mặt của dòng thu tài chính và chi tài chính. Giúp cho hệ thống quản lý tài chính khoa học, hiệu quả./.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2021), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Hà Nội (thay thế Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015), Hà Nội.

2. Trương Thị Hằng (2022), Những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý, sử dụng nguồn thu học phí tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí lý luận chính trị và truyền thông số 12-2022, Hà Nội.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2007), Đổi mới công tác quản lý tài chính, tài sản và đầu tư xây dựng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh theo mô hình đơn vị dự toán cấp I, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2024), Quyết định số 369-QĐ/HVCTQG ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
5. Phạm Chí Thanh (2011), Đổi mới chính sách tài chính đối với khu vực sự nghiệp công ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ, đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
6. Nguyễn Đức Toàn (2011), Đổi mới công tác quản lý tài chính đối với hoạt động khoa học ở Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.